

SỰ KHAI PHÓNG TINH THẦN PHẬT GIÁO TRONG THƠ VĂN CỦA NGÔ THÌ NHẬM

Phan Thanh

Nghiên cứu sinh, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế

Email: thichchandoa@gmail.com

TÓM TẮT

Ngô Thì Nhậm (1746 – 1903) là một tác gia lớn của nền văn học trung đại Việt Nam. Cuộc đời của ông có nhiều biến động về cả con đường hoạn lộ lẫn tư tưởng. Qua những chặng đường tư tưởng ta thấy được rằng, ông đã chịu ảnh hưởng sâu đậm những tư tưởng Phật giáo mà cụ thể ở đây là tư tưởng của thiền Phái Trúc Lâm Yên Tử.

Ngô Thì Nhậm sống trong giai đoạn Nho giáo đang bị lung lay tận gốc rễ, niềm tin ở nền Nho học không còn. Ông đã tìm đến tư tưởng Phật giáo vừa để giải quyết mâu thuẫn của bản thân vừa để tìm con đường sáng giúp đỡ nhân dân có được cuộc sống an bình. Bản thân ông đã thấm nhuần tư tưởng Phật giáo, và chính tư tưởng Phật giáo đã giúp ông khai phóng khỏi những ràng buộc lợi danh chức tước để dẫn thân phục vụ nhân dân.

Từ khóa: Khai phóng, Ngô Thì Nhậm, Phật giáo, Thiền tông

Ngô Thì Nhậm là một người có những đóng góp to lớn cho dân tộc trên nhiều lĩnh vực như văn hóa, triết học, văn học, giáo dục, quân sự, chính trị, ngoại giao... Chỉ xét riêng về văn học, ông đã để lại một khối lượng tác phẩm đồ sộ với nhiều thể loại khác nhau. Ngô Thì Nhậm sống trong một giai đoạn đầy biến động, rối ren của lịch sử dân tộc Việt Nam - một giai đoạn nội chiến tranh giành quyền lực, huynh đệ tương tàn, nòi da xáo thịt xảy ra liên tục. Ý thức hệ tư tưởng Nho giáo không còn đảm đương được vai trò trong việc xây dựng trật tự xã hội. Trước cảnh cương thường luân lý bị đảo lộn, đa số những trí thức đương thời có người ẩn cư để giữ gìn thanh tiết, có người chịu luồn cúi để được vinh thân. So với những trí thức cùng thời, Ngô Thì Nhậm có những bước tiến vượt bậc về tư tưởng. Ông không đi vào lối cụt tư tưởng, bi quan ẩn dật mà đã tìm đến với Đạo Phật để giải quyết những vấn đề thời đại.

Ngô Thì Nhậm ảnh hưởng tư tưởng đạo Phật từ nhỏ nhưng ban đầu chưa là đệ tử Phật gia. Đến lúc bế tắc trong tư tưởng Nho gia, ông mới thật sự nghiên cứu Phật giáo. Ông đã tìm đến Phật giáo, mà cụ thể ở đây là Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử để mong muốn kiến tạo một kiến trúc thượng tầng áp dụng vào đời sống, xây dựng cuộc sống bình ổn cho nhân dân. Ông lập Thiền viện Trúc Lâm ở phường Bích Câu để nghiên cứu Phật học. Ông cùng các bạn đồng tu như Phan Huy Ích, Ngô Thì Hoàng, Vũ Trinh, Nguyễn Đăng Sở, Nguyễn Đàm viết nên cuốn *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* mang nhiều giá trị Phật học, đậm không khí Thiền tông. Ngô

Thì Nhậm được xem là vị tổ thứ tư của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, có pháp danh là Hải Lượng thiền sư.

Nhìn lại tư tưởng trong thơ văn của Ngô Thì Nhậm, ta thấy ông đã thấm nhuần tư tưởng Thiền tông một cách rõ nét. Ở bài viết này, chúng tôi chỉ nhìn nhận dưới hai góc độ là tinh thần phá chấp và tinh thần thoát khỏi ràng buộc lợi danh, là vấn đề giải thoát luận của Phật giáo để thấy được ảnh hưởng của Phật giáo đối với con người và sáng tác của ông.

1. Tinh thần phá chấp

Phá chấp là một tư tưởng quan trọng của Phật giáo được đặt nền móng ở triết lý Tánh Không. Đức Phật từng nói rằng trong suốt 45 năm thuyết pháp, Ngài không hề nói điều gì. Mục đích nhằm tác động đến sự tự tu chứng, phá bỏ những cố chấp mà đạt đến giác ngộ giải thoát.

Theo *Từ điển Phật học Hán Việt* thì “phá chấp” có nghĩa là: “phá bỏ mê chấp, tà kiến, cho là có cái thực ngã, thực pháp. Dùng trí tuệ và biện tài mà giảng giải cho người ta biết tin làm cái thân ta là có thật, các pháp là có thật. Phá ý kiến thiên lệch của nhà học đạo, khiến ý chí họ trở nên dung thông, thấu nhập giáo lý trung đạo” [9, tr.947]. Cũng có nghĩa là phá bỏ cố chấp nhị kiến đối đãi, vượt ra ngoài các cặp phạm trù khái niệm có - không, sinh - diệt, niết bàn - địa ngục... *Kinh Kim Cang, kinh Bát Nhã, kinh Hoa Nghiêm...* là những bộ kinh Phật giáo Đại thừa mang tính phá chấp triệt để, hướng người tu đạt đến cửa Không, giải thoát tịch tĩnh.

Thiền tông chủ trương nhắm thẳng đến tâm (trực chỉ chân tâm) để thấy rõ bản tánh chân như mà thành Phật (kiến tánh thành Phật). Muốn trực chỉ chân tâm thì cần phải dẹp bỏ tất cả những vướng mắc từ bên ngoài. Cái nhìn (kiến) của con người là cái nhìn của tư duy phân biệt, logic, so sánh nên có cái Sắc và Không; có ngắn - dài; cao - thấp; dày - mỏng; đen - trắng... một người tu Thiền đạt đến cảnh phá bỏ đi hết những so sánh nhị nguyên đối đãi ấy mới mong có thể tỏ ngộ được chân tâm. Hải Lượng Ngô Thì Nhậm nghiên cứu Phật học đã thấm nhuần tư tưởng nên ông đi đến phá chấp cho chính bản thân ông và các bạn bè, hậu học.

Trong bài *Tương Sơn tự ký thảng* Hải Lượng, Ngô Thì Nhậm đã khẳng định cốt tủy của đạo Phật là phá đi cái nhìn Sắc và Không:

“Thiền quả “sắc”, “không” vân nhiều tự”

(Đạo Thiền Sắc là Không như mây vờn quanh núi) [8, tập 2, tr.422]

Sắc và Không là hai phạm trù đối lập nhau nhưng bản thể thật tính thì không khác. Sự luân chuyển, biến thể về mặt hiện tượng như khói, như mây, như nước, như mưa nhưng thật tính ướt luôn luôn có. Nếu nhìn vào mặt hiện tượng thì ta cho là Có, còn khi cố chấp vào giáo pháp thì lại cho là Không. Thật ra nhìn thấy có Sắc và có Không vẫn là cái thấy còn chấp, vẫn chưa thấu đạt giáo lý Phật giáo. Vượt ra khỏi nhị nguyên Có - Không, không bám vào bờ bên này hay bờ bên kia mới thật sự là tính phá chấp của Phật giáo. Trong *Trúc lâm tông chỉ nguyên thanh*,

Hải Lượng Ngô Thì Nhậm đã trích dẫn rất nhiều câu trong *kinh Kim Cang* - là bộ kinh Đại thừa pháp chấp sâu sắc - để thể hiện tính phá chấp của mình.

Ông đã dẫn lại câu kệ trong *kinh Kim Cang*:

“Dĩ âm thanh cầu ngã
Dĩ sắc tướng cầu ngã
Thị nhân hình tà đạo
Bất năng kiến Như Lai”
(Nếu người nào tìm ta qua âm thanh
Nhìn ta qua sắc tướng
Thì người đó theo tà đạo
Không thấy được Như Lai).

Đức Phật dạy trong *Kinh Kim Cang* rằng: “Sở ngôn nhất thiết pháp giả tức phi nhất thiết pháp, thị cố danh nhất thiết pháp” (Nói tất cả pháp, tức không phải tất cả pháp, cho nên gọi là tất cả pháp). Từ đó Hải Lượng Ngô Thì Nhậm đã trả lời câu hỏi: “Lý không noi theo hết được, Dục không cắt đứt hết được hay sao?” như sau: “Không cắt thì đứt, cắt đứt thì lại không đứt”; “nước xem là nước, thì đó không phải là nước thật”; “lửa xem là lửa thật thì đó chính là lửa giả” [8, tập 3, tr.152]. Cũng trên cơ sở ấy, Ngô Thì Nhậm đi đến quan niệm tốt xấu và phá vỡ đi quan niệm thường tình thế gian về tốt và xấu:

“Mọi vật đều tốt cả. Vật gì ta thích thì tốt, ta không thích thì không tốt. Cho nên có cái tốt mà không tốt, có cái không tốt mà tốt” [8, tập 3, tr.152].

Như vậy, ông đã chỉ rõ ra sự vương bận của Ngã và Pháp mà sinh ra sự so sánh, mê mờ, không liễu đạt Phật đạo được.

Cái nhìn bị vô minh che lấp nên không thấy rõ chân như, thật tướng. Các pháp thay đổi mà cho rằng tồn tại vĩnh hằng. Đây là cái nhìn sai lầm về các pháp. Hải Lượng Ngô Thì Nhậm đã chỉ ra hai vấn đề Sắc và Không là nhị biên cần dẹp bỏ:

“Thầy bèn nhìn chim mà nhận ra hoa long, đọc kệ rằng:

Điều thân phi điều
Hoa hôn phi hoa
Hành chi nhiều tha
Ngã nại ngô hà
Nghĩa là:
Thân chim chẳng phải chim

Hồn hoa chẳng phải hoa

Đứng đi là bởi nó

Ta nào có làm gì được đâu.

Nhà sư bên hữu chấp tay niệm:

Thị sắc phi sắc

Thị không phi không

Nghĩa là:

Sắc chẳng phải sắc

Không chẳng phải không”. [8, tập 3, tr.146]

Trong *Trúc lâm tông chỉ nguyên thanh*, Hải Lượng Ngô Thì nhậm đã chỉ ra các cặp phạm trù của Nho giáo và so sánh với Phật giáo để cuối cùng đi đến việc phá bỏ quan niệm khen chê của các tầng lớp trí thức thời bấy giờ. Các cặp phạm trù: chính tâm - minh tâm; thành tính - kiến tính; vị nhân - vị kỹ; tịch - huyền; diệt - khởi... được lý giải một cách sâu sắc bằng nhãn quan phá bỏ nhị nguyên.

Vấn đề sinh - diệt được ông chỉ thẳng trên tinh thần phá chấp khi được hỏi:

“Phật nói bất sinh, sao lại có sinh; Phật nói bất diệt sao lại có diệt?

Sư đáp rằng:

Có sinh là bất sinh, có diệt là bất diệt”. [8, tập 3, tr.156]

Về mặt hiện tượng, rõ ràng vạn vật có sinh, có diệt nhưng thực chất vạn vật vốn không sinh không diệt, chúng chỉ biến chuyển từ hình thức này sang hình thức khác. Với nhận thức thông thường, quan sát trực quan khó nhìn ra được sự chuyển biến ấy. Khi nói bất sinh bất diệt là nói về chân tướng, bản thể của mọi sự vật, hiện tượng; còn nói về có sinh có diệt là nói về hình tướng của vạn vật.

Ý thức và sự vật luôn biến chuyển không ngừng nên nếu nhận thức một cách cố chấp và bị vọng tưởng thì dễ bị mắc sai lầm. Chấp thường và chấp đoạn, chấp có và chấp không đều là phiền diện dễ dẫn đến sai lầm. Cái thấy thường bị vô minh che lấp, không rõ bản tánh chân như lại thêm vọng tưởng điên đảo sai lầm nên nhìn mọi thứ hiện tượng cứ tưởng là thật: “Thấy lợn đội bùn, chờ ma một xe thì nhà người cho đó là ma thật, lợn thật hay sao? Mắt vốn sáng mà hoa, tai vốn tỏ mà ù, mắt hoa thì không có bóng, tai ù thì không có vang. Bóng vang là hình khí bên ngoài, tai mắt là hình khí ở bên trong”. [8, tập 3, tr.166]

Phá bỏ chướng ngại với cái Kiến phân biệt, Ngô Thì Nhậm thấu đạt tinh thần phá chấp của Tổ Lâm Tế với câu nói nổi tiếng “*gặp Phật giết Phật gặp ma giết ma*”. Ông đã thấy được tính bình đẳng của Phật giáo, vô phân biệt của Thiền tông: “vì vậy cho nên giết cha mẹ, giết sư sãi, đó là cái nghĩa bình đẳng thứ nhất của Phật gia”[8, tập 3, tr.170].

Thời Trần, người đặt nền móng cho thiền phái Trúc Lâm là ngài Tuệ Trung Thượng sĩ đã triệt ngộ tinh thần phá chấp của Thiên tông Phật giáo. Ngài đã khẳng định rằng:

Mi mao tiêm hoành ty khổng thù
Phật dữ chúng sanh đô nhất diện
(Cũng nét mày ngang đường mũi dọc
Phật với chúng sanh mặt giống nhau)

Cùng một bộ mặt tức là cùng chung Bản-lai-diện-mục, là chân tâm chứ không phải là hình sắc bên ngoài. Hải Lượng Ngô Thì Nhậm đã khẳng định bằng cách dẫn lại *kinh Diệu Pháp Liên Hoa*:

“*Kinh Liên Hoa* nói rằng: “Ta xem hết thấy đều bình đẳng, không có lòng yêu ghét này nọ. Ta không tham cái gì, cũng không có cái gì hạn định và trở ngại ta được’.”[8, tập 3, tr.174]

Với kiến thức uyên thâm, thấu rõ bằng sự đích thân trải nghiệm, Hải Lượng Ngô Thì Nhậm đã dùng hình thức công án và phương pháp phá chấp để thúc bách người học tự thân chiêm nghiệm, suy nghĩ và lĩnh hội. Đặt trên nền tảng tánh Không, tinh thần phá chấp của Phật giáo đưa con người rời khỏi tư duy lý tính, dẹp bỏ cái thấy phân biệt để nhận diện đối tượng một cách chính xác như nó *đang là*. Tinh thần phá chấp có vị trí quan trọng trong giáo lý nhà Phật. Hải Lượng Ngô Thì Nhậm thấu triệt tinh thần này nên đã phá bỏ được những kiến chấp về Ngã và Pháp, không còn vướng bận về ngoại cảnh.

2. Tinh thần thoát khỏi ràng buộc lợi danh

Tứ Diệu Đế là bài pháp đầu tiên mà Đức Phật thuyết giảng sau khi ngài chứng quả giác ngộ giải thoát. Với cái nhìn về cuộc đời gồm có Khổ - Tập - Diệt - Đạo, đức Phật đã chỉ rõ sự khổ ở đời, nguyên nhân của khổ, con đường diệt khổ và chúng đạt Niết-bàn giải thoát cho chúng sanh. Sở dĩ chúng sanh đau khổ là do vô minh che lấp, không thấu rõ sự chuyển biến vô thường hợp tan, sanh diệt. Vì không nhận chân được sự chi phối của vô thường nên bị ràng buộc trong việc được - mất, hơn - thua. Để chấm dứt đau khổ phải giải thoát những ràng buộc ấy, cũng có nghĩa là lìa sự bám víu vào các pháp, thoát khỏi các dục của bản thân.

Các pháp chuyển biến vô thường mà chúng sanh lại đam mê không chịu buông bỏ nên khi pháp không tồn tại thì khổ đau sinh khởi. Sự đam mê, tham đắm - tức là Dục là nguyên nhân gây đau khổ cho chúng sanh.

Dục là tham muốn, thuộc về Tham trong tam độc gồm tham - sân- si. Có rất nhiều loại dục, nhưng nhà Phật chia ra 5 thứ dục gọi là Ngũ dục gồm: Tài dục (ham muốn tiền tài); Sắc dục (ham muốn sắc đẹp); Danh dục (ham muốn danh lợi); Thực dục (ham muốn ăn ngon, ăn nhiều); Thụ dục (ham muốn ngủ nghỉ). Con người chìm đắm vào trong các dục mà không nhận ra được nó là mầm mống khổ đau.

Giải thoát là tự do khi buông xả, xa rời, không bám víu vào trong những thứ dục này. Nhìn nhận cuộc đời đầy biến ảo, bản thân trải qua sự hưng thịnh rồi suy vong của các tập đoàn phong kiến, sự bon chen, nghi kỵ, tranh giành quyền lực địa vị trong chốn quan trường, Hải Lượng Ngô Thì Nhậm nhận thấy sự ràng buộc của lợi danh khiến không chỉ bản thân đau khổ mà còn gây đau khổ cho nhân dân.

Trong bài phú *Thiên quân thái nhiên*, Hải Lượng Ngô Thì Nhậm đã thể hiện quan niệm của mình về việc hành và tàng như sau:

“Vô ý, tất, cố, ngã;

Tri cương, nhu, biến, thông.

Dụng tắc hành, xả tắc tàng, xuất, xử ngữ, mặc, giai thông hồ thời nghĩa

Ngôn chi tín, hành chi quả, tử, sinh, kinh, cụ, bất nhập hồ hung trung”

(Không tư lợi, chấp nê, vị kỷ

Biết cứng mềm, hiểu lẽ biến, thông.

Đời dùng thì làm, đời bỏ thì về ẩn, ra hay ẩn, nói hay im, đều bởi hiểu thông thời vận;

Lời nói thì giữ tín, việc làm thì quyết xong, sống với chết, lo với sợ, chút không vướng bận trong lòng.) [8, tập 2, tr.21]

Ngô Thì Nhậm đã tiếp thu và hành xử quan niệm hành tàng như Tuệ Trung thượng sĩ - một vị quan đầu triều hiểu thâm sâu triết lý Phật giáo, sống không câu nệ hình thức, vướng bận của bụi trần.

Trong bài *Phóng cuồng ngâm*, Tuệ Trung thượng sĩ viết:

“Dụng tắc hành hề xả tắc tàng” [10, tr.559]

Với quan niệm hành tàng ấy, ta thấy Hải Lượng Ngô Thì Nhậm không có chút “vướng bận trong lòng” với danh lợi, không phải làm việc vì danh, vì bản thân mà làm vì tấm lòng trong trắng giúp dân. Trong bài *Trường đoản cú ngâm* ông xem tâm của mình như nước lã trong:

“Tâm thủy bàn trung hảo bồng lai

Hành ngô tổ vị sáng ngô hoài”

(Bầu tâm trong trắng, nước trong soi

Phận sự lo tròn, lòng thanh thoi) [8, tập 2, tr.339]

Khi bước đi trên con đường chức tước Ngô Thì Nhậm nhận ra:

“Danh lợi úy đồ đa não nhiệt”

(Con đường danh lợi hiểm nghèo phần nhiều não nhiệt) [8, tập 2, tr.532]

Con đường ấy náo nhiệt bởi sự tranh giành, ganh đua đầy nguy hiểm. Ngẫm nhìn sự thế nổi trôi, tự cố chí kim biết bao bậc danh hào cũng bị vòng danh lợi nhấn chìm. Ông viết:

“Phù thế đại đô bi hủ cục
Cao nhân đa tại lợi danh trường
Tri chung tri chí tư vô cữu
Năng tĩnh năng an tự bất mang”
(Cõi phù thế hầu hết là cuộc buồn vui
Bậc cao nhân phần nhiều ở trường danh lợi
Biết vừa đủ thì không tai họa
Hay tỉnh hay yên mình chẳng hoang mang) [8, tập 2, tr.303].

Lối mòn danh lợi người người vẫn cứ bước đi, con người không thoát khỏi được đam mê vật chất. Chính vì thế, ông hồ thẹn khi bản thân mình đang luẩn quẩn trong vòng lợi danh ấy:

“Khả tu mãn phúc đồ minh thế
Hà tự cao chi nhất tiểu cầm”
(Thẹn lòng ta đây những hư danh với đời
Sao bằng con chim nhỏ trên cành cao kia) [8, tập 2, tr.209]

Có lúc Ngô Thì Nhậm nghĩ rằng con chim nhỏ tự do tự tại bay lượn còn bản thân ông thì lại giam giữ mình trong hư danh của cuộc đời. Kẻ kiếm tìm lợi danh như người mò trăng dưới đáy hồ, trăng không có lại vô tình khiến dòng nước vẫn đục lúc nào không hay. Kiếm tìm lợi danh sẽ làm cho tâm hồn dơ đục. Tham sân của kiếp trước vẫn chưa rũ sạch thế mà lại còn nhọc nhằn tìm kiếm lợi danh:

“Vị liễu tham sân tiền quả chướng
Không lao danh lợi thử sinh tâm”
(Chưa rũ xong nghiệp chướng tham sân kiếp trước,
Lại luống những nhọc lòng danh lợi kiếp này) [8, tập 2, tr.305]

Trong bài phú *Tiêu dao du*, Ngô Thì Nhậm khi đứng ngắm những chiếc buồm xuôi ngược trên sông thì ông cho rằng đó chẳng khác nào sự nhọc nhằn đua chen trong vòng danh lợi. Có chiếc chở danh, có chiếc chở lợi cứ xuôi ngược như kiếp người bôn ba:

“Lưu hồi hoàn hề sinh lạc châu
Phàm khứ lai hề danh lợi thị”

(Dòng chảy vòng quanh chừ, bãi nổi bãi chìm

Cánh bướm ngược xuôi chừ, chợ danh chợ lợi) [8, tập 2, tr.55]

Đề rồi ông nhận thấy tấm lòng không vị kỷ, không nhiễm tạp chính là điều ông cần có và phải có. Ngô Thi Nhậm đứng trong danh lợi mà không bị nó làm nhơ nhớp như hoa sen mọc giữa bùn mà không bị bùn làm ô nhiễm. Trong bài *Thường liên đình phú*, ông khen ngợi hoa sen cũng là cái để ông thoát khỏi ô trọc của danh lợi:

“Sinh ư nê nhi bất nhiễm hề, lãng ngọc hồ nhi ủy dĩ

Tự “viết nhược” chi ký viễn hề, thùy “phụng nhất” nhi thoát tỹ”

(Sinh trong bùn mà chẳng nhuốm bùn chừ, có khác chi trong bầu ngọc?

Từ Nghiêu Thuấn đã khuấy xa chừ, ai bỏ ngại vàng như quặng đôi dép rách?)
[8, tập 2, tr.91]

Thái tử *Siddhartha* bỏ hết cung vàng điện ngọc, bậc Nghiêu Thuấn hay đức Trần Nhân Tông bỏ hết giang sơn còn được hưởng chi bản thân ông. Trong chốn danh lợi ấy làm thế nào phục vụ nhân dân mà không bị lợi danh chi phối, làm như tấm lòng. Ngô Thi Nhậm theo lời Phật dạy, nhìn lại bản tâm của mình. Làm việc vì tư lợi ích kỷ thì là tiểu nhân, cần phải đem tấm lòng vị tha mà phục vụ nhân dân. Trong bài *Vi chi phú*, ông viết:

“Vi chi tại tâm

Tri thủ tại chí

Tiểu nhân vị nhân

Quân tử vị kỷ”

(Làm và đi là do ở tâm

Mà sự giữ gìn là do ở chí

Kẻ tiểu nhân thì vị người

Bậc quân tử thì vị kỷ [8, tập 2, tr.108]

Ở đây, Ngô Thi Nhậm quan niệm vị kỷ là noi theo thánh hiền, tâm đức và thực hành; vị nhân là dùng bút nghiên để thêm chất liệu cho sự cười đùa, làm những bài văn bia, những bài minh khắc vào vạc để nịnh hót vương hầu. Như vậy, người quân tử vị kỷ tức là làm việc đem lại lợi lạc cho nhân dân còn kẻ tiểu nhân vị nhân thì làm việc chỉ để đem lại lợi dưỡng cho bản thân mình.

Một môi ở chốn quan trường, ganh đua lợi danh khó nhọc thì hãy quay về tự tâm để tìm thấy điều mình cần là niềm vui an tĩnh. Phải rũ sạch lòng trần để không còn bận lòng hơn thua thiệt thòi. Trong bài *Lâm trì phú* ông khuyên rằng:

“Nhân sự bất thăng đa

Hà thích thích vật ngoại

Thả dương dương dĩ bà sa”

(Bề bộn việc người đời

Sao lo lắng hoài câu ngoại vật

Hãy nhơn nhơ tìm thú thành thời)[8, tập 2, tr.45]

Nói như Ngô Thì Nhậm là cần phải làm cho cõi lòng ta nhẹ nhàng, không ôm nặng dai giáp lợi danh:

“Tả ngô hoài chi du du

Tuyệt trần anh chi uất uất”

(Khiến lòng ta rũ nhẹ lâng

Dấu bụi trần đường gột sạch) [8, tập 2, tr.11]

Cần học theo đạo từ bi của Tam tổ - là những tấm gương sống một đời, đem lại lợi ích cho quần chúng nhân dân, không tham đắm trong ngôi vương để vị để:

“Mệnh ngô an hề, tâm ngô lạc”

(Mệnh ta yên ổn chừ, ta vui trong lòng) [8, tập 2, tr.34]

Ông cho rằng khi làm việc thì cần làm trọn vẹn, thuận theo lẽ trời, không nghiêng ngả theo sự nịnh hót hay uy quyền áp lực. Khi không bị ràng buộc thì có chức có quyền hay không vẫn giữ tấm lòng vì dân vì nước. Cuối cùng khẳng định rằng:

“Thị dĩ quân tử,

Tễ nguyệt quang phong,

Phong lai hề dương liễu

Nguyệt chiếu hề ngô đồng

Tùy xứ nhi lạc

Ư tâm hà dung”

(Cho nên người quân tử

Gió mát với trăng trong

Gió thổi chừ chòm dương liễu

Trăng soi chừ cây ngô đồng

Tìm vui tùy cảnh

Chẳng chút bận lòng) [8, tập 2, tr.45]

Ngô Thì Nhậm vượt lên trên những hư danh, không chút bận lòng trước lợi lộc chức tước. Được mất, thành bại, hơn thua cũng như mây bay gió thổi, chỉ còn tâm hồn mà ông nhận diện ra nó rộng mênh mông như không gian, sáng tỏ như trăng rằm, thanh thoi như mây lượn giữa trời. Điều này được ông khẳng định trong bài *Tiêu dao phú*:

“Thị phi thanh bại hề, nguyệt hà tâm

Đắc tang doanh khuy hề, vân vô ý...

... Thiên địa trung hề ngô minh mệnh

Vũ trụ nội hề ngô linh đài”

(Phải trái bại thành chừ trăng có màng chi

Được mất đầy vơi chừ mây hay gì nhi...

...Mệnh sáng của ta chừ, ở trong trời đất

Lòng son của ta chừ, khắp trong không gian) [8, tập 2, tr.54]

Với những quan điểm trên cho ta thấy Hải Lượng Ngô Thì Nhậm không hề vương bận ở chốn quan trường, đua chen lợi dưỡng công danh. Ông dốc tâm, dốc lực cống hiến cho các triều đại không phải vì tham đắm trong chức tước bổng lộc, vinh thân phì da mà vì cảnh đói khổ lầm than của quần chúng nhân dân.

Hải Lượng Ngô Thì Nhậm đề cao tinh thần phá chấp và thoát khỏi ràng buộc lợi danh cho ta thấy rằng khi ông quyết định theo Tây Sơn, phò Quang Trung đánh giặc giữ nước là vì tấm lòng trinh son đem lợi bình cho nhân dân chứ không phải vì “ngả theo chiều gió” mà một số nhà nghiên cứu nhận định. Ông vượt qua những tai tiếng về quan niệm trung Quân của thời đại, phá chấp quan niệm không thờ hai chủ của một người học Nho bị bó buộc.

Thoát khỏi những ràng buộc của lợi danh, phá bỏ cái vòng tham dục về chức quyền lợi dưỡng, Ngô Thì Nhậm đã thật sự sống theo tinh thần Phật giáo. Từ việc phá chấp về các khái niệm trong tư tưởng đến việc bản thân dứt bỏ tham đắm, ta thấy Ngô Thì Nhậm đi theo con đường của Tam Tổ Trúc Lâm, tiếp thu tinh thần của Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử, giải thoát về mặt tư tưởng hướng đến việc xây dựng xã hội. Hải Lượng Ngô Thì Nhậm là một thiền sư nhập thế tích cực. Ông dựa trên nền tảng phá chấp để nhập thế cứu giúp nhân dân ra khỏi khổ ách, kiến tạo lại một trật tự xã hội mà các vị Tổ đã làm ở thời Trần. Ngô Thì Nhậm là hình ảnh “Cư trần lạc đạo” của Tuệ Trung thượng sĩ, Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đoàn Trung Còn (2002). *Pháp giáo nhà Phật*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Tuệ Châu (1995). *Tìm hiểu về Thiên tông Phật giáo Trung Hoa*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [3]. Doãn Chính (2012). *Lịch sử triết học phương đông*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- [4]. Thích Phước Đạt (2013). *Giá trị văn học trong tác phẩm của Thiền Phái Trúc Lâm*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Duy Hinh (2006). *Triết học Phật giáo Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [6]. Nguyễn Lang (2014). *Việt Nam Phật giáo sử luận toàn tập*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [7]. Nguyễn Công Lý (1997). *Bản sắc dân tộc trong văn học thiền tông thời Lý- Trần*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [8]. Ngô Thì Nhậm (2001). *Ngô Thì Nhậm tác phẩm*, tập 1, tập 2, tập 3, Mai Quốc Liên (chủ biên), Trung tâm nghiên cứu Quốc học, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [9]. Phân viện nghiên cứu Phật học (2012), *Từ điển Phật học Hán Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [10]. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia (2004), *Tinh tuyển Văn học Việt Nam, tập 3, Văn học thế kỷ X-XIV*, (Nguyễn Đăng Na chủ biên), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội .
- [11]. Viện văn học (1988), *Thơ văn Lý- Trần*, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

THE LIBERALISED SPIRIT OF BUDDHISM IN THE POETRY AND PROSE WORKS OF NGO THI NHAM

Phan Thanh

Department of Literature and Linguistics, Hue University College of Sciences

Email: thichchandao@gmail.com

ABSTRACT

Ngo Thi Nham is a prominent author of medieval Vietnamese literature who experienced a volatile life in both his mandarin's career and ideology. Through various stages of ideological shifts, he showed to be profoundly influenced by Buddhism , specifically by Truc Lam Yen Tu (Bamboo Grove), a native Vietnamese school of Buddhism.

In his lifetime, Ngo Thi Nham witnessed Confucianism shaken to its roots; beliefs in Confucianism were progressively waning. He turned to Buddhist ideologies to resolve his ideological conflicts, as well as to find out his own path of light to help others live in a peaceful life. He had an in-depth understanding of Buddhism, and it was Buddhist ideas that liberalised him from desires for prestige or social status, thus committing himself to serving people.

Keywords: *Buddhism, Liberalised, Ngo Thi Nham , Zen sect.*

